

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Thu;

Ông Trần Ngọc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTH, sinh năm 1981; ĐKHKTT: Xóm A, B, xã C, huyện D, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Số nhà 3A, Tổ E, ngõ 175 đường F, phường G, thành phố Hà Nội; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh NVQ, sinh năm 1964; ĐKHKTT: Số 15/25 H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Số 29 H, phường I, quận J, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị NTH có đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 10 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh NVQ được ly hôn và trình bày:

Chị và anh NVQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Hải Dương vào ngày 06 tháng 02 năm 2018. Quá trình chung sống thời gian đầu chị và anh NVQ hạnh phúc và có với nhau một con chung. Đến đầu năm 2020 anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Cũng từ đầu năm 2020 đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau ai muốn sống ra sao thì sống. Bản thân chị cũng không còn tình cảm gì với anh NVQ và không có cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy, chị NTH làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh NVQ.

Về con chung: Chị và anh NVQ có một con chung là K, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2018. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là anh NVQ đã biết việc chị NTH xin ly hôn với anh, tuy nhiên anh NVQ không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Bởi vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh NVQ.

Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình hai bên thể hiện: Mâu thuẫn giữa chị NTH và anh NVQ là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, mặt khác do tìm hiểu nhau vội vàng nên chưa kịp hiểu hết tính cách của nhau, dẫn đến khó dung hòa trong cuộc sống chung. Từ đầu năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Gia đình hai bên cũng đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Địa phương và gia đình hai bên đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa chị NTH vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án, chị NTH giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa anh NVQ vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy

định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị NTH được ly hôn anh NVQ. Về con chung: Anh chị có một con chung là K, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2018, do cháu là con gái lại còn nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để chị NTH được nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Do các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về các vấn đề khác: Chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại số 29 H, phường I, quận J nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị NTH và anh NVQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Hải Dương theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình

nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi anh NVQ, chị NTH cư trú thấy quá trình chung sống giữa chị NTH và anh NVQ có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Từ đầu năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa hai người là có thật. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị NTH đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách và quan điểm sống, chị không còn tình cảm gì với anh NVQ, nếu tiếp tục chung sống chỉ gây đau khổ cho cả hai. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị NTH là cần thiết, bảo đảm quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho anh chị sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị NTH và anh NVQ có một con chung là K, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2018. Ly hôn chị NTH có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy từ khi sinh ra cho đến nay chị NTH là người trực tiếp nuôi dưỡng con do anh NVQ thường xuyên đi làm ăn xa nhà, mặt khác cháu là con gái lại còn rất nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Bởi vậy việc giao con cho chị NTH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện thực tế và nguyện vọng của nguyên đơn. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con K cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị NTH và anh NVQ tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Bị đơn anh NVQ mặc dù đã được Tòa án yêu cầu trình bày về việc giải quyết tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt nên không có ý kiến. Như vậy các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu không tự giải quyết được về tài sản chung, các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Về các vấn đề khác: Chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị NTH phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị NTH được ly hôn anh NVQ.

2. Về con chung: Giao con chung là: K, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2018 cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị NTH và anh NVQ tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Do các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về các vấn đề khác: Chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

5. Về án phí: Chị NTH phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009578, ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị NTH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,

7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND xã C, huyện D, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương